

GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

PTS. ĐINH SƠN HÙNG

I. HỌC VẤN VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Thực tiễn phát triển khách quan cho thấy rằng những nhu cầu mới của con người luôn nảy sinh, do vậy đòi hỏi nền kinh tế phải phát triển để đáp ứng những nhu cầu đó. Nhưng phân ý chí và nguyện vọng thường vượt quá giới hạn của năng lực cung ứng thực tiễn. Thế là phát sinh mâu thuẫn giữa nhu cầu với khả năng đáp ứng nhu cầu đó. Sự phát triển của lịch sử tất yếu phải giải quyết mâu thuẫn ấy. Và chính tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã tham gia một cách quyết định vào việc giải quyết mâu thuẫn này bằng cách thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Tiến bộ khoa học - kỹ thuật phát triển phản ánh tập trung ở sự ra đời của máy móc, thiết bị ngày càng hiện đại. Nhờ vậy nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội. Nhưng tất cả máy móc, thiết bị, khoa học, kỹ thuật... đều là tri thức và kết quả hoạt động của con người. Như cách dùng hình tượng của Marx, chỉ được tôi luyện bằng ngọn lửa lao động, những phương tiện sản xuất mới được thể hiện trong một sản phẩm nào đó. Rõ ràng, con người là phần tử mang kinh nghiệm sản xuất, thể hiện kiến thức khoa học và thực tiễn hoạt động kinh tế một cách thống nhất. Chính vì vậy, trong xã hội, sự giàu có thật sự là sự phát triển của tất cả các cá nhân riêng biệt. Và bản thân con người cũng thay đổi dưới tác động của khoa học - kỹ thuật theo hai hướng cơ bản:

- Sự thay đổi cơ cấu đội ngũ người lao động trong nền kinh tế quốc dân.

- Sự phát triển các phương pháp lao động mới. Vì tiến bộ khoa học - kỹ thuật đòi hỏi con người phải thích nghi với kỹ thuật mới và làm chủ

được nó. Ví dụ, trong những nhà máy của Ford, những năm 20, 85% không phải là công nhân chuyên nghiệp mà là những công nhân được đào tạo không quá 1 tháng, trong đó 50% chỉ được đào tạo một ngày. Nhưng dưới tác dụng của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xu hướng không có chuyên môn trong những ngành sản xuất đã dần dần bị thu hẹp lại. Những biến đổi về chất lượng, trình độ chuyên môn của người lao động đang diễn ra giữa vòng hào quang của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Nhìn chung, ở các nước công nghiệp phát triển, tỷ lệ công nhân có trình độ chuyên môn cao tăng lên nhanh chóng, số cán bộ kỹ thuật trong công nhân tăng nhanh hơn một đến hai lần mức tăng của tổng công nhân và người phục vụ.

Tiến bộ khoa học - kỹ thuật cũng đồng thời tạo nên cơ sở học vấn

tổ cơ bản:

- Khả năng phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.

- Khả năng không làm hỏng dụng cụ lao động.

- Khả năng tiếp thu nhanh thuật mới.

Điều tra ở một số xí nghiệp công ty, người ta thấy ở các công nhân có trình độ học vấn cao hơn, lượng các đề nghị hợp lý hóa hàng năm lớn hơn và hiệu quả kinh tế (tính bằng tiền) cũng lớn hơn.

Điều tra các trường hợp công nhân làm hỏng dụng cụ lao động các thợ tiện và thợ phay, có tới 70% là xảy ra ở công nhân có học vấn cấp II, và chỉ có 30% là ở công nhân có học vấn cấp III.

Đối với những công nhân mới học lớp 9, phải cho học lại 6 tháng sử dụng được một loại máy móc, những người học lớp 12, chỉ cần



của nó, kéo theo nó sự thay đổi căn bản học vấn của con người. Theo thống kê quốc tế, năm 1950, chỉ 58% lực lượng lao động trong công nghiệp cần trình độ văn hóa cấp II, 10% cần trình độ cao hơn một chút; đến năm 1970, số công nhân cấp II còn 6%, số trình độ cao hơn cấp II là 68%.

Thực tiễn ở nước ta cũng cho thấy, vai trò quyết định của học vấn đối với việc tăng năng suất lao động. Điều tra ở 3000 công nhân gồm thợ đứng máy, thợ nguội, thì thấy những người cùng một bậc thợ và cùng làm một việc, những người học lớp 10 có năng suất lao động cao hơn 35% so với những người học lớp 7, những người học xong trung học, so với những người lớp 10 đã có năng suất lao động trung bình cao hơn 15 đến 20%, ở các thợ đứng máy, và 25% ở các thợ nguội. Như vậy là mỗi lớp học thêm, có thể làm cho năng suất lao động trung bình tăng 5%.

Những người có học vấn cao có năng suất lao động cao hơn vì 3 yếu

thống, thế là thời gian tiếp thu kỹ thuật mới chỉ bằng một nửa.

Nhìn tổng quát, ở nhiều nước, khoa học đảm bảo 50-70% mức tăng GNP, mà chìa khóa để mở đường và khoa học đó là học vấn. Do vậy cũng có thể nói được rằng, giáo dục là yếu tố nền tảng và quyết định đối với tiến triển của khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế.

Vì vậy năm 1960 Theodor Schultz đã cho thấy rằng giáo dục là một quá trình tích lũy tư bản mà sản phẩm của nó có thể đưa đến việc tăng năng suất và tăng thu nhập của người lao động. Và ông gọi đây là sự đầu tư và tư bản con người. Công trình nghiên cứu do Ngân hàng thế giới đỡ đầu cũng đã xác minh rằng giáo dục sản xuất ra, khơi dậy và phát triển tiềm năng của con người. Và điều đó ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển kinh tế. Do đó giáo dục phải được coi là một bộ phận quan trọng (nếu không muốn nói là quan trọng nhất) trong xây dựng chiến lược con người

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Vì đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư vào nhân tố động nhất trong cả các nhân tố đầu vào của nền sản xuất xã hội.

GIÁO DỤC VÀ NHỮNG NHÌN NHẬN

Giáo dục được bàn luận gồm cả giáo dục theo nghĩa hẹp (được thực hiện ở các trường học) và theo nghĩa rộng (gồm giáo dục theo nghĩa hẹp và với nghiên cứu, đào tạo chính thức ở bên ngoài trường và giáo dục không theo thủ tục được tiến hành ở bất cứ một cơ cấu tổ chức hoặc chương trình có tổ chức nào).

Bây giờ hãy xét giáo dục theo nghĩa hẹp ở nước ta trên cả hai mặt: lượng và chất lượng. Theo đánh giá của Bộ giáo dục và đào tạo, hiệu quả đào tạo ở miền Bắc đạt 60-70%, ở miền Nam đạt 50%, và cứ theo đó sau này: 85% trẻ em ở độ tuổi đi học, từ lớp 1 đến lớp 5 đạt 40%, tới cấp II giảm đi, chỉ còn 30%, lên cấp III lại giảm xuống 19,45% (như năm học 1988-1989) số học sinh lớp 12 chỉ đạt 1% dân.

Đối với hệ đại học, năm 1979 - 1980, là năm thịnh vượng nhất, cả nước có 152.300 sinh viên trong tất cả các hệ (25 sinh viên trên một vạn dân); năm 1985 - 1986 tụt xuống còn 1.000 sinh viên. Nhờ mềm hóa các tiêu chuẩn đào tạo, thực hiện mở rộng mà tới năm 1989-1990 sinh viên đạt con số xấp xỉ 10 năm trước, nhưng dân số lại đã tăng 7-8 triệu, nên chỉ là 20 sinh viên trên một vạn dân (50 là con số Liên Hiệp Quốc nêu ra cho một nền kinh tế có thể cất cánh). Thái Lan, Cộng hòa Triều Tiên từ thập kỷ trước đã đạt con số 130 và 680 sinh viên trên một vạn dân. Riêng Cộng hòa Triều Tiên năm 1950 tồn tại số thất nghiệp tốt nghiệp đại học, nhưng từ 1970 lại thiếu lao động có học vấn cao). Điều này cho thấy không phải tỷ lệ người có học vấn cao trong dân cư đã đạt được bảo hòa. Có thể nói rằng giáo dục ở ta cũng đang phân hóa. Ở một số là đội ngũ những người chỉ cần biết để biết đọc, biết viết, biết làm phép tính cộng trừ, nhân, chia đơn giản; ở cực khác như, như tập thể tác giả bộ "Kinh tế học của sự phát triển" tổng kết, là hệ thống giáo dục thuộc thế giới thứ ba mắc bệnh "bình đẳng cấp", không chú trọng đến việc truyền tri thức và tay nghề, mà chỉ chủ yếu quan tâm đến cấp chứng chỉ".

Những biến động và phân cực của giáo dục do nhiều nguyên nhân, như:

- Thất nghiệp cao và thu nhập thấp sau khi tốt nghiệp đại học làm cho nhiều người không muốn học thêm chi phí hiện cũng như chi phí ẩn vào giáo dục.

- Ở một số trường hợp, sự không

phù hợp giữa những điều dạy ở trường và những điều mà công việc thực tế đòi hỏi dẫn đến một số sinh viên ra trường phải chuyển sang những nghề khác. Trường hợp này không cho mọi người thấy được hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của giáo dục.

- Giống tình trạng chung của nhiều nước đang phát triển, số người có các loại giấy chứng nhận khoa học đã tăng lên nhiều hơn so với số công việc vẫn được những người có bằng cấp như vậy (thậm chí thấp hơn) làm. Vì vậy sau khi tốt nghiệp có xu hướng thất nghiệp trong một thời gian dài, do đó họ có thể nhận lương thấp hơn so với người đi trước họ. Dù vậy người ta vẫn lao vào trung và đại học (cả sau đại học) không phải bởi lý do kinh tế mà vừa vì lý do xã hội và tâm lý...

III VÀI KIẾN NGHỊ

Người Nhật nói rằng nhìn vào nền giáo dục của một quốc gia, có thể biết được sự phát triển kinh tế của quốc gia đó trong hiện tại và dự đoán được sự phát triển trong tương lai. Vì vậy theo nhiều nhà kinh tế, nếu xét giáo dục là một ngành công nghiệp, thì đó là một trong những ngành công nghiệp lớn nhất trong nền kinh tế quốc dân cả về giá trị lẫn công việc. Do đó để giáo dục trở thành một động lực và một phương tiện thực sự hiệu quả thúc đẩy kinh tế phát triển thì theo chúng tôi:

Thứ nhất, chiến lược phát triển giáo dục phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế, trong đó quan trọng nhất là kế hoạch, dự đoán các nhu cầu nhân lực (gồm số và chất lượng người lao động, cơ cấu và những yêu cầu về nghề nghiệp) được xuất phát từ những mục tiêu: tốc độ tăng của GNP, ước tính những biến đổi cơ cấu sản xuất, sự tăng lên của

năng suất lao động để xây dựng cơ cấu giáo dục.

Thứ hai, căn cứ vào nhu cầu của xã hội để xây dựng những loại hình giáo dục phù hợp, gắn liền theo đó là nâng cao chất lượng trong việc đáp ứng nhu cầu.

Thứ ba, tăng đầu tư cho giáo dục (năm 1990 nước ta giành 3% GNP, bằng 12,6% ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục, ở các nước khác là 5-7% thậm chí 20-23%) trên cơ sở đó nâng cao chất lượng của người dạy và người học dưới nhiều hình thức khác nhau.

Thứ tư, nên chăng, tiến hành thí điểm đào tạo và giáo dục vừa theo đơn đặt hàng (đầu vào), vừa có đảm bảo về chất lượng của người được đào tạo (đầu ra) đối với các cơ sở, ngành nghề, địa phương và doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Mác và Anghen. *Tuyển tập*, T.46, phần II.

- A Guxarox, B.Radaer, *Tìm hiểu về cách mạng khoa học - kỹ thuật*, nxb Khoa học và kỹ thuật, 1978.

- Võ Nguyên Giáp, *Mấy vấn đề về cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta*, Sự thật, 1977.

- *Kinh tế chính trị: Những vấn đề hiệu quả của nền sản xuất XHCN* (tiếng Nga), Moscou, 1989.

- Ngọc Trân, "Giáo dục đang trở thành một ngành sản xuất", *Phát triển kinh tế*, 9.1991, trang 27-28

- Vũ Cao Phan, "Mở rộng hay không mở rộng", *Cộng sản*, 12-1991, trang 26-29.

- Hoàng Bá Thịnh, "Cơ cấu dân số sinh viên và chính sách giáo dục, đào tạo đối với nông thôn", *Cộng sản*, 11.1992, trang 49-52.

- M. Gillis, H.Perkins, *Kinh tế học của sự phát triển*, tập I.



Ảnh : Quang Nghị